

Chú thích

¹ Bản dịch H.T Huyền Quang.

² Bản dịch của H.T Nhất hạnh.

³ Bảy nạn đó là lửa, nước, la sát, đâm chém đánh đập, tà ma quỷ quái, gông cùm, giặc cướp thù địch. Hai sự mong cầu trong kinh nói là cầu con trai và con gái, ở đây còn muốn nói đến sự mong cầu phước đức, trí tuệ và sự đoan chánh.

⁴ Theo Kinh Dịch, vũ trụ bắt đầu bằng: Vô Cực sinh Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, Bát Quái biến hóa ra vô cùng. Tức là: Từ Không thành Có, Từ Có sinh Âm Dương, Âm Dương sinh Bốn Hướng, Bốn Hướng Sinh Tám Phương, Tám Phương biến hóa vô tận. Vô Cực là hư vô, hư không, chân không, không có dưỡng khí, không có sự sống. Thái Cực là có dưỡng khí, có sự sống. Lưỡng Nghi là hai cực Âm, Dương. Tứ Tượng: 1. Thái Dương, Mặt Trời, 2. Thiếu Dương, Mây, 3. Thái Âm, Mặt Trăng, 4. Thiếu Âm, Sao. Bát Quái: 1. Càn = trời, tây bắc, 2. Đoài = đầm (hồ), tây, 3. Ly = hỏa (lửa), nam, 4. Chấn = sấm, đông, 5. Tốn = gió, đông nam, 6. Khảm = nước, bắc, 7. Cấn = núi, đông bắc, 8. Khôn = đất, tây nam. Khảm là nước nhưng là nước của con sông đang chảy. Cấn là núi yên tĩnh.

⁵ Bài Thùy dương liễu do ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư (538 – 597) cảm tác. Sau đây là đoạn văn trích trong sách Thâm Ý Qua Hình Tượng Phật, Bồ Tát của H.T Thanh Từ:

“Muốn diễn tả lòng từ bi cao cả của bồ tát Quán Thế Âm, tác giả dùng giọt nước lành dương, thật là linh động biến ảo. Nước không cố định ở một hình thức nào, tùy duyên biến chuyển, có khi là thể lỏng, có khi là thể cứng, có lúc lại biến thành hơi. Nếu chúng ta chấp nước chỉ có ở thể lỏng, tức không hiểu được nước. Không phải chỉ ở một hình thức cố định, mà linh động tùy duyên. Đủ duyên cơ cảm thì bồ tát ứng hiện.

Nước khi động dưới hồ thu trong xanh in hiện bóng trăng, khi lóng trong khe đá làm nhà cửa loài rồng, lúc chảy âm âm thành suối gào thác đổ, thật không thể lường được diệu dụng của nước. Lòng từ bi của bồ tát cũng thế, mệnh mông như bể cả bao hàm tất cả chúng sinh, tràn trề như ngọn triều lên mang hạnh phúc cho mọi loài thọ hưởng. Bất cứ nơi nào, chốn nào có cảm thì bồ tát đều ứng hiện. Sự ứng hiện tùy theo căn tánh chúng sinh, kẻ thấy bồ tát ở hình thức này, người cảm bồ tát nơi tướng trạng khác. Tựu trung, trong có cảm thông nhất định có linh ứng.

Chỉ một giọt nước (nhỏ mực) động dưới ngòi bút của hàng vua chúa cũng đủ làm cho muôn dân thấm nhuần ơn vũ lộ. Hoặc một giọt nước (giọt cam lồ) nằm trên đầu nhánh dương liễu của bậc bồ tát cũng đủ giải thoát mọi loài chúng sinh. Lòng từ bi không phải chỉ có ở trong tâm bồ tát, trong tâm những kẻ tu hành, mà còn có ở trong lòng bậc đế vương, trong lòng kẻ có quyền thế. Cho nên, ai cũng có thể là bậc cứu khổ chúng sinh, miễn họ phát tâm từ bi. Từ bi không phải là gia bảo dành riêng cho các bậc tu hành, mà nó là của chung tất cả nhân loại. Dù ở hoàn cảnh nào, trường hợp nào, cũng có thể thực hiện từ bi được, nếu trong lòng chứa sẵn từ bi.

Qua những lời tán dương trên, chúng ta thấy lòng từ bi cao cả khôn lường. Chúng ta lễ tụng đức Quán Thế Âm luôn luôn phải ghi nhớ hai đức tánh căn bản của Ngài: nhẫn nhục và từ bi, để đem áp dụng vào bản thân chúng ta. Có thể, sự lễ bái mới thật là hữu ích và cần thiết vô cùng.”

⁶ Thần chú Thánh Vô Lượng Thọ quyết định quang minh vương.

⁷ Bảo triện (triện báu): là cách nói khác của việc xông hương, khi đốt hương khói bay tạo hình như chữ triện, nên có từ triện báu. Hoàng Đình Kiên đời Tống có bài từ Họa Đường Xuân: "Bảo triện yên tiêu long phượng, họa bình vân tỏa tiêu tương" (Triện báu khói bay rồng phụng, tranh vẽ mây phủ mưa sương). Trần Cơ đời Nguyên trong Ký Ngọc Sơn Thi chép: "Bảo triện phần hương lưu thụ áp, thái tiên hành mặc tả lai cảm" (Hương xông triện báu ru vệt ngũ, khung

lụa thâm ghi nét chim về). Uông Đình Nột đời Minh trong Chủng Ngọc Ký Vinh Thọ chép: "Ái thôn thảo xuân huy, y tử tha chu mãn tất tiền. Phần bảo triện, tề khê thủ tam tinh, tạ thiên liên niệm" (Yêu sắc xuân cỏ dại, áo tím lê gổi đỏ bên thềm. Đốt triện báu, chấp tay xá tam tinh, niệm tạ ơn trời). Lý Ngự đời Thanh trong Ngọc Tào Đầu Bể Mỹ có lời rằng: "Yêm tự hội tụng chân kinh, phần bảo triện, bả phạm tâm tủy, đái lai sinh phụng trừu thao ky." (Ta cùng hội tụng chân kinh, đốt triện báu, giữ sạch Phạm tâm, đọi đời sau cầm chổi hốt rác.)

⁸ Bài này có trong Kiến Đàn Giải Uế Nghi của Thủy Lục Chư Khoa.

⁹ Tứ vô ngại biện: Biện tài, tài hùng biện, có 4: thông suốt văn tự (pháp vô ngại), thông suốt nghĩa lý (nghĩa vô ngại), thông suốt sinh ngữ (từ vô ngại) và thông suốt bày hay trình bày vui vẻ (biện vô ngại = nhạo thuyết vô ngại).

¹⁰ Trong bài phú Vịnh Vân Yên Tử, Trúc Lâm tam tổ Huyền Quang có câu: Quán thất bảo vẽ bao Bụt hiện/ Áo lục thù tiếng gió tiên phiêu/ Thầy tu trước đã lên Phật quả/ Tiểu tu sau còn vị tỷ kheo. Lục thù nặng nửa lạng. Áo lục thù hẳn là nhẹ lắm như áo tiên vậy. Có người cho áo lục thù là áo của chư thiên trên cõi trời Đâu Suất. Áo lục thù còn là áo mặc cho người chết trên cõi in chú Tỳ Lô Giá Na Quán Đảnh.

¹¹ Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: "Quán Thế Âm bồ tát lại bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Tôi nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến tôi và tất cả chúng sinh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu tôi mà bảo: Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sinh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự an vui lớn. Lúc đó tôi mới ở ngôi sơ địa, vừa nghe xong thân chú này liền chứng vượt lên đệ bát địa."

¹² Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Quán Thế Âm Bồ Tát, sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về quá khứ, đã từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do đại bi nguyện lực, vì muốn phát khởi hết thảy Bồ Tát, vì để an lạc thành thực các chúng sinh, nên hiện làm bồ tát.” Kinh Quán Âm Tam Muội cũng nói: Quán Âm thành Phật trước Như lai, tên là Chánh Pháp Minh Như lai, Như lai là đệ tử khổ hạnh của ngài.

¹³ Cánh tay Mẩu đà la: Còn gọi là Cát tường thủ. Kinh Thủ Lăng Nghiêm ghi: “Khi ấy Đức Như lai ruỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo A nan rằng: Thầy nay thấy tay Mẩu đà la của tôi là chánh hay là ngược?” Về tám muôn bốn ngàn tay, Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Tôi (bồ tát Quán Thế Âm) xoay tánh nghe để nghe tiếng màu nhiệm của nội tâm. Tánh nghe này không chút nhiễm ô. Tôi ngăn dứt tất cả âm thanh đối tượng của nhĩ căn; bấy giờ tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của sáu căn còn là một tánh giác thanh tịnh có thể dùng thay thế cho nhau mà không ngăn ngại. Tôi còn có thể hiện ra nhiều hình tướng và nói vô số chân ngôn bí mật; từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu. Tôi có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay uyển chuyển. Tôi có thể hiện ra 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 mắt thanh tịnh, hoặc từ, hoặc uy, hoặc định, hoặc tuệ cứu độ chúng sinh được đại tự tại.” Trong Bích Nham Lục, tắc 89, Vân Nham Đại Bi Tay Mắt có ghi: “Bồ tát Đại Bi có tám muôn bốn ngàn cánh tay Mẩu đà la. Đại Bi có lăm tay mắt, các ông lại có hay không? Bá Trượng nói: Tất cả ngữ ngôn văn tự thấy đều xoay về chính mình.”

¹⁴ Tứ thập nhị tỷ Quán Âm: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Quán Thế Âm Tự Tại bồ tát có ngàn mắt ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biểu cho hạnh tùy thuận các sự mong cầu của chúng sinh. Đó cũng là do tâm đại bi của vị đại sĩ ấy hóa hiện.” Bốn mươi hai tay là: 1. tay cầm ngọc Như ý; 2. tay cầm sợi dây; 3. Tay cầm bát báu; 4. Tay cầm cây kiếm báu; 5. Tay cầm chày Kim cang tam cô; 6. Tay

cầm chày Kim cang độc cổ; 7. Tay Thí vô úy; 8. Tay cầm Nhật tinh; 9. Tay cầm Nguyệt tinh; 10. Tay cầm cây cung báu; 11. Tay cầm mũi tên báu; 12. Tay cầm cành dương liễu; 13. Tay cầm cây phát trắng; 14. Tay cầm cái Hồ bình; 15. Tay cầm cái bang bài; 16. Tay cầm cây búa; 17. Tay cầm cái vòng ngọc; 18. Tay cầm hoa sen trắng; 19. Tay cầm hoa sen xanh; 20. Tay cầm cái gương báu; 21. Tay cầm hoa sen tím; 22. Tay cầm cái tráp đựng châu báu; 23. Tay cầm mây ngũ sắc; 24. Tay cầm bình quân trì; 25. Tay cầm hoa sen hồng; 26. Tay cầm cây kích báu; 27. Tay cầm vỏ ốc báu; 28. Tay cầm cây gậy đầu lâu; 29. Tay cầm tràng hạt; 30. Tay cầm cái linh báu; 31. Tay cầm cái ấn báu; 32. Tay cầm Câu thi thiết câu (cây kích ba chĩa); 33. Tay cầm cây tích trượng; 34. Hai tay chấp lại; 35. Tay nâng vị hóa Phật; 36. Tay hiện hóa cung điện; 37. Tay cầm quyền kinh báu; 38. Tay cầm bánh xe vàng bất thoái; 39. Tay nâng vị hóa Phật trên đỉnh đầu; 40. Tay cầm chùm bồ đào; 41. Tay tuôn dòng cam lộ; 42. Tay tổng nhiếp ngàn tay. Kính lạy thứ 313 đến kính lạy 351 là nói về 39 tay của Bồ tát Quán Thế Âm, thiếu 3 tay là tay cầm bảo tráp, tay tuôn cam lộ và tay tổng nhiếp ngàn tay.

¹⁵ Chuẩn Đề Quán Âm (Cundi), còn gọi là Chuẩn Đề Phật mẫu, Thất câu chi Phật mẫu, là một trong 6 hình tượng Quán Âm. Trong mạn đà la Thai tạng giới, tôn tượng này được thờ ở tận cùng bên trái của viện Biến tri. Theo kinh Thất câu chi Phật mẫu sở thuyết Chuẩn Đề đà la ni, hình tượng ngài thân màu trắng vàng, ngồi kiết già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn, mặc lụa trắng mỏng, có thiên y, chuỗi anh lạc, dây thần thông, đầu đội mũ, trên mặt có 3 mắt, 18 cánh tay đều đeo vòng xuyên, 2 tay trên cùng bắt ấn thuyết pháp. Các tay bên phải là: thí vô úy, cầm kiếm, cầm tràng báu, cầm trái câu duyên, cầm búa, cầm móc, cầm chày kim cang, cầm râu chuỗi. Các tay bên trái là: cầm cờ báu như ý, cầm hoa sen hồng nở, cầm cái bình, cầm dây lụa, cầm bánh xe pháp, cầm vỏ ốc, cầm hồ bình, cầm hòm kinh Bát nhã chữ Phạm. Ngoài ra có tượng 2 tay, 4 tay, 6 tay, 14 tay ... cho đến 84 tay, mật hiệu là Tối Thắng kim cang

¹⁶ Tứ tứ Quán Âm: một trong các vị bản tôn của mật tông thuộc Phật giáo Tây Tạng. Về hình tướng, tôn vị này có 4 đầu: màu hồng, trắng, lam và màu tro, có 4 tay, 2 chân, thân màu lam, chân đạp

trên mình người nam năm ngựa. Tôn vị này được thờ trong viện Thời Luân và viện Hoan Hỷ Kim Cang.

¹⁷ Xem Thiên Chuyển Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát Chú (ĐTK 1035, sa môn Trí Thông ở chùa Tổng Trì, nước Đại Đường dịch). Tụng chú Thiên Chuyển thì “trong lúc nằm ngủ, mộng thấy Đức Quán Âm với các thứ trang nghiêm, thì thành tựu tất cả việc lành, tiêu diệt tất cả nghiệp ác, truyền thẳng đến người đọc tụng cũng được diệt tội.” Thiên chuyển là một ngàn vị Chuyển luân thánh vương.

¹⁸ Thập Nhị Diện Quán Âm: Trong kinh điển và các nghi quỹ không có nói đến hình tượng Quán Âm 12 mặt, và không có trong các hóa thân của đại sĩ được biết đến. Phật Tổ lịch đại thông tải, quyển 9 có nói: “Luong Vũ Đế lệnh cho chúng tăng miêu tả hình tượng ngài Chí Công; ngài Chí Công chỉ vào mặt mình rồi phân thành 12 mặt diệu tướng của đức Quán Âm.” Sách Sơn cốc ngoại tập, quyển 14 ghi: “Thập Nhị Diện Quán Âm không có khuôn mặt chánh. Ghi chú: đại sư Tăng Ca (người Tây Vực) đi đến Lâm Hoài, từng nằm nghỉ ở nhà của bà Hạ Bạt, hiện hình tượng Quán Âm 12 mặt, cả nhà rất vui mừng, bèn quy y, bỏ nhà mà kiến lập ngôi chùa. Xem Tổng cao tăng truyện.”

¹⁹ Tượng bồ tát Quán Thế Âm có 11 mặt: 9 mặt của 9 vị Bồ Tát, 1 của 1 vị Phật và 1 là mặt của đức Phật A Di Đà. Cứ mỗi ba mặt tượng trưng là ba đặc tính: từ bi với chúng sinh khổ nạn, quyết tâm đối trị cái xấu, hoan hỷ với cái tốt. Theo một quan điểm khác thì 11 mặt biểu tượng cho Thập Địa và Phật quả.

²⁰ Bồ tát Chánh Thủ được xem như hóa thân của bồ tát Quán Thế Âm. Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39: Thiện Tài đồng tử tham vấn bồ tát Quán Tự Tại, được bồ tát chỉ dạy pháp môn Đại bi hạnh: “Lúc đó Thiện Tài đồng tử đánh lễ chân Quán Tự Tại Bồ Tát, hữu nhiều vô số vòng, chấp tay cung kính thưa rằng: Bạch đức Thánh! Tôi đã phát tâm Vô thượng bồ đề mà chưa biết bồ tát thế nào học bồ tát hạnh, thế nào tu bồ tát đạo? Tôi nghe đức Thánh khéo dạy bảo, xin chỉ dạy cho! Bồ Tát nói: Lành

thay! Lành thay! Nay thiện nam tử ! Người đã có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nay thiện nam tử! Ta đã thành tựu bồ tát Đại bi hạnh giải thoát môn. Nay thiện nam tử! Ta dùng môn bồ tát Đại bi hạnh này bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sinh tiếp nối chẳng dứt. Nay thiện nam tử! Ta trụ nơi môn Đại bi hạnh này thường ở chỗ tất cả chư Phật, hiện khắp trước tất cả chúng sinh. Hoặc dùng bố thí, hoặc dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự để nhiếp thủ chúng sinh. Hoặc hiện sắc thân nhiếp thủ chúng sinh. Hoặc hiện những sắc bất tư nghi quang minh thanh tịnh để nhiếp thủ chúng sinh. Hoặc dùng âm thanh, hoặc dùng oai nghi, hoặc vì họ thuyết pháp, hoặc hiện thân biến, làm cho tâm họ tỏ ngộ mà được thành thực. Hoặc vì họ mà hiện thân đồng loại cùng họ ở chung mà thành thực họ. Nay thiện nam tử! Ta tu hành môn Đại bi hạnh này , nguyện thường cứu hộ tất cả chúng sinh, nguyện tất cả chúng sinh khỏi sợ con đường hiểm, khỏi sợ nhiệt nã, khỏi sợ mê hoặc, khỏi sợ trói buộc, khỏi sợ sát hại, khỏi sợ nghèo cùng, khỏi sợ chẳng sống, khỏi sợ tiếng xấu, khỏi sợ sự chết, khỏi sợ đại chúng, khỏi sợ ác thú, khỏi sợ tối tăm, khỏi sợ dời đổi, khỏi sợ ái biệt ly, khỏi sợ oán thù gặp, khỏi sợ thân bức bách, khỏi sợ lo buồn. Ta lại phát nguyện: Nguyện tất cả chúng sinh hoặc nhớ đến ta, hoặc xưng tên ta, hoặc thấy thân ta đều được khỏi tất cả sự bố úy. Nay thiện nam tử! Ta dùng phương tiện này làm cho chúng sinh khỏi sự bố úy, lại dạy họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng thôi chuyển. Nay thiện nam tử! Ta chỉ được môn bồ tát Đại bi hạnh này.” Sau đó Thiện Tài đồng tử gặp bồ tát Chánh Thủ đến pháp hội, nhân đó bồ tát Quán Tự Tại chỉ cho Thiện Tài cách hỏi bồ tát Chánh Thủ: Thế nào học bồ tát hạnh, thế nào tu bồ tát đạo? Bồ tát Chánh Thủ chỉ dạy pháp môn giải thoát tên là "phổ môn tốc tạt hành". (Kinh Hoa Nghiêm, Hán dịch ngài Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch H.T Thích Trí Tịnh)

²¹ Tỳ câu chi (Bhṛkūti) cũng viết là Tỳ câu tri, là một trong 37 tôn vị của viện Quán Âm thuộc Thai tạng giới, gọi là Tỳ câu chi bồ tát, hoặc gọi là Tỳ câu chi Quán Âm, hoặc gọi là Tỳ câu chi thiên nữ (một trong 8 đại Quán Âm). Tỳ câu chi dịch ý là cau mày, nghĩa là vị thiên nữ xuất sinh từ nếp nhăn trên trán của bồ tát Quán Âm. Lại dịch là mắt giận dữ, vì vị thiên nữ hiện hình tướng phần nộ với 4 tay, 3 mắt. Đại Nhật kinh sơ viết: “Bên trái thánh giả tên Tỳ câu chi, thân hình có 4 tay: một tay bên phải cầm râu chuỗi có tua rủ, tay nữa bắt

ấn Thí nguyện, một tay bên trái cầm hoa sen, tay nữa cầm bình quân trì; mặt có 3 con mắt, như hình tượng Ma Hê Thủ La, đầu đội mũo phát quan, như mũo phát quan của đức Tỳ Lô Giá Na.” Cũng theo Đại Nhật kinh số ghi: “Trong đại hội của Phật, bảy giờ chư vị Kim Cang hiện tướng trạng hàng phục rất đáng sợ, như thể không còn ai có thể hàng phục được chư vị. Lúc đó từ trong trán nhãn của Quán Âm hiện ra bồ tát (Tỳ câu chi). Vị bồ tát này hiện thân với tướng trạng rất phẫn nộ, khi ấy chư vị Kim Cang đều sinh lòng sợ hãi, thể nhập Kim Cang tạng thân. Bảy giờ bồ tát Tỳ câu chi tiến đến trước mặt vị Chấp kim Cang tạng, thì vị ấy cũng rất sợ hãi, rồi đi đến dưới tòa ngòi của đức Phật mà thưa rằng: Xin đức Phật gia hộ cho con. Lúc bảy giờ đức Phật bảo vị Tỳ câu chi rằng: thiên nữ hãy đứng yên. Vị Tỳ câu chi liền đứng yên. Đứng yên xong, thưa với Phật rằng: Những gì đức Phật dạy bảo con đều vâng làm.”

²² Mã Đầu Quán Âm (Hayagrīva): Dịch âm tiếng Phạn là A gia yết rị bà hay Ha gia yết rị bà, còn gọi là Mã Đầu Đại sĩ, Mã Đầu Minh vương. Chỉ cho Phần Nộ Trì Minh vương, thuộc Liên hoa bộ trong 3 bộ Minh vương, ngự ở ngòi thứ 7, hàng thứ nhất trong viện Quán Âm, Thai tạng giới, một trong 8 vị đại Minh vương, mặt hiệu là Hám Thực kim Cang, Tấn Tốc kim Cang. Tôn vị này là một trong những hóa thân của đức Quán Tự Tại, hiện tướng giận dữ, trên đánh có đầu ngựa, hoặc 1 mặt 8 tay, 3 mặt 8 tay, hoặc 4 mặt 8 tay, 3 mặt 2 tay. Vị Minh vương này là giáo chủ của súc sinh đạo được phối hợp với Sư Tử Vô Úy Quán Âm, được nói trong Ma Ha Chỉ Quán. Vì lấy từ bi làm trọng cho nên tôn vị này phá trừ các ma chướng, chiếu phá sự tối tăm của chúng sinh bằng vàng mặt trời đại oai đức, tận diệt các phiền não vô minh của chúng sinh. Trong Bát Tự Văn Thủ Nghi Quỹ có nói: “Vẽ một vị Mã Đầu Minh vương có ba mặt, sáu cánh tay đều cầm khí tượng: bên trái, một tay cầm hoa sen, một tay cầm bình, một tay nắm lại để ở tim; bên phải, tay trên cầm búa, một tay cầm chuỗi hạt, một tay cầm dây tơ. Ngài ngòi trên tòa luân vương trên hoa sen, tướng rất giận dữ, ở trong tư thế rất ác, rất dữ tợn.”

²³ Ha Gia Yết Lị Bà tượng pháp (ĐTK 1073) có ghi: Dùng tâm chú Ha gia yết lị bà, chú nguyện 21 biến xong, đưa cho người

bệnh, người ấy hướng lên hư không rồi uống thì hết thủy loại trùng độc có trong bụng đều được nôn ra.

²⁴ Pháp tịnh: là làm sạch các pháp, là không sinh tâm chấp trước đối với tất cả pháp. Kinh Vô Lượng Môn Pháp Ma Đà La Ni (ĐTK 1014) nói pháp tịnh là một trong 4 diệu hạnh thanh tịnh của bồ tát, đó là: chúng sinh tịnh, pháp tịnh, biện tịnh và Phật độ tịnh.

²⁵ Diệp Y Quán Âm (Parn'savari): vị bồ tát đắp y bằng lá sen, là một biến hóa thân thứ 32 trong 33 thân. Trong Thai tạng giới mạn đà la, Diệp Y Quán Âm có vị trí trong viện Quán Âm, mặt hiệu là Di Hạnh kim cang, toàn thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, gối phải co lại dựng thẳng đứng, ngồi trên hoa sen đỏ. Nếu thờ bồ tát Diệp Y làm bản tôn thì tụng kinh Diệp Y Quán Tự Tại bồ tát, có thể tiêu trừ bệnh dịch, đói khát, tai họa giặc cướp đao binh, lũ lụt, hạn hán v.v... gọi là Diệp y pháp. Nếu dùng pháp tu này để cầu cho quốc vương, đại thần được sống lâu không bệnh gọi là Diệp y trần, còn để giữ cho nhà cửa yên ổn thì gọi là Trần trạch pháp.

²⁶ Tiêu phục độc hại: Là chỉ cho đà la ni Pháp ác nghiệp chương tiêu phục độc hại: “Đa diệt tha, đà hô nị, mô hô nị, diêm bà nị, đàm bà nị, a bà hê, mô hô nị, an trà lê, bàn trà lê, thân bệ đế, bàn trà ra, bà tư nị, hư, hư, lâu, lâu, an trà lê, đầu, đầu, lâu, lâu, bàn trà lê, chu chu, lâu lâu, nị bàn trà lê, đậu đậu, phú phú, bàn trà ra, bà tư nị thân trì, chân trì, nị chân trì, tát bà a bà da yết đa, tát bà niết bà bà đà già, a bà da, ty ly đà, bệ điện, sa ha”. Đà la ni này xuất từ Thịnh Quán Thế Âm Bồ Tát Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni Kinh (ĐTK 1043, Đông Tấn, Thiên Trúc cư sĩ Trúc Nan Đề dịch). Kinh kể rằng, vào thời Phật, nhân dân nước Tỳ Xá Ly mắc bệnh quái ác do dạ xoa gây ra, không ai cứu chữa được. Bấy giờ có trưởng giả Nguyệt Cái đi đến chỗ Phật, thỉnh Phật cứu giúp nhân dân Tỳ Xá Ly. Đức Phật dạy đốt hương, rải hoa cúng dường, nhất tâm mười niệm, hướng về Tây phương thỉnh đức Phật A Di Đà và hai vị bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí xót thương cứu hộ, xướng lời rằng: Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng, nam mô Quán Thế Âm bồ tát ma ha tát, đại bi, đại danh xưng, cứu hộ khổ ách. Dân chúng Tỳ Xá Ly làm theo lời Phật thì được lành bệnh. Đức Phật lại thỉnh bồ tát Quán Thế Âm nói

thêm chú Tiêu phục độc hại. Đức Phật dạy tôn giả A Nan: Thần chú này tên là Ban Cho Hết Thủy Chúng Sinh Thuộc Cam Lộ Mầu Nhiệm, không sợ hãi bệnh tật, không sợ chết ngang trái, không sợ bị trói buộc bởi các nỗi sợ hãi thuộc ba độc tham dục, giận dữ, ngu si. Vì vậy, thế giới Ta Bà này đều gọi Quán Thế Âm bồ tát là bậc Thí vô úy.

²⁷ Như Ý Luân (Cintamanicakra) Quán Thế Âm là một trong 6 vị Quán Âm, ngài cầm bảo châu Như ý và Pháp luân, vì rộng độ tất cả khổ não của chúng sinh, thành tựu những nguyện cầu của chúng sinh. Như ý bảo châu chỉ cho trần bảo thể gian và của báu thật tướng xuất thế gian. Hai thứ của báu này có khả năng làm cho chúng sinh sinh ra phước đức. Pháp luân nghĩa là chuyển pháp luân, có năng lực làm cho chúng sinh sinh ra trí đức. Tượng bồ tát này được đặt trong viện Quán Âm thuộc Thai tạng giới, mật hiệu là Trì Bảo kim cang. Hình tam muội da là Như ý bảo châu. Hình tượng vị bồ tát này có 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay ... khác nhau. Trong đó tượng Như Ý Luân Quán Âm có 2 tay là tượng Phật có trước Mật giáo và tượng Như Ý Luân Quán Âm 6 tay được nhiều người thờ phụng.

²⁸ Kinh lạy thứ 26 đến kinh lạy 41 là nói sự trọng yếu mà ngài phải nói ra chú Đại bi: “Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát: Thiện nam tử! Các ông nên biết trong pháp hội này, có vị bồ tát ma ha tát, tên là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ bi, lại khéo tu tập vô lượng Đà la ni môn. Vị bồ tát ấy vì muốn làm cho chúng sinh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế. Đức Như Lai vừa nói lời ấy xong, Quán Thế Âm bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay hướng về Phật mà thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn, tôi có chú Đại bi tâm đà ra ni, nay xin nói ra, vì muốn cho chúng sinh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được thành tựu tất cả thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sợ hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi đoãn hứa. Đức Phật bảo: Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thân chú để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỉ chư Phật cũng thế.” (kinh Thiên thủ

thiên nhân Quán Thế Âm bồ tát Quảng đại viên mãn đại bi tâm đà la ni, H.T Thích Thiên Tâm dịch)

²⁹ Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú (ĐTK 1082) ghi: “Một thời đức Phật trú ở núi Già Lát Tư cùng với chúng bồ tát câu hội. Bấy giờ Quán Thế Âm bồ tát ma ha tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quì gối chấp tay thưa với đức Phật rằng: Thế Tôn, con có pháp đại đà la ni tên là Ma ha Ba đầu ma Chiên đàn Ma ni Tâm luân, có thể làm cho tất cả việc mong cầu đều được thành tựu.” Ba đầu ma là hoa sen hồng. Chiên đàn (candana): một loại cây, gỗ rất thơm, còn gọi là gỗ đàn hương, mọc trên núi Malaya, miền Nam Ấn Độ, có thân giống đầu trâu, nên còn gọi là ngư đầu chiên đàn. Ma ni là ngọc Ma ni như ý. Luân là bánh xe chuyển pháp luân. Thần chú Ma ha Ba đầu ma Chiên đàn Ma ni Tâm luân là: “Na mô hạt la đất na đất la dạ da, na mô a lị da, bà lộ cát đế nhiếp phạt la da, bồ đề tát đỏa phá da , ma ha tát đỏa phá da, ma ha ca lô ni ca da, đất diệt tha, án, chiết ca la phạt để chiên đàn ma ni, ma ha bát đầu mê, lỗ lỗ để sắt xá, già phạt la a hạt la, xá minh phán sa bà ha. Án, bát đầu mê, chiên đàn ma ni, ma ha giả phạt la hồng. Án, phạt la đá, bát đầu mê, hồng.” Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Các bản dịch khác tương đương gồm có: Như Ý Luân Đà La Ni Kinh (ĐTK 1080, phẩm 1 và 2, đời Đường, Bồ Đề Lưu Chí dịch), Phật Thuyết Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Tâm Đà La Ni Chú Kinh (ĐTK 1081, đời Đường, Nghĩa Tịnh dịch), Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni Kinh (ĐTK 1083, nửa phần trước, đời Đường, Bảo Tư Duy dịch).

³⁰ Kinh lay thứ 42 đến kinh lay thứ 67 là nói năng lực của thần chú Ma ha Ba đầu ma Chiên đàn Ma ni Tâm luân. Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú có ghi: Bấy giờ đức Thế tôn lại bảo bồ tát Quán Thế Âm rằng: Thiện nam tử, ông vì các chúng sinh mà nói pháp đà la ni Đại Thần Thông Vương. Khi ấy, bồ tát Quán Thế Âm bạch với đức Phật rằng: Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, đồng nam, đồng nữ ở trong đời sống này muốn cầu quả báo hiện tại thì nên trong ngày đêm nhất tâm tinh cần không quên đà la ni này,

cũng chẳng cần lựa chọn ngày giờ, tịnh hay bất tịnh, chỉ cần tụng chú xong liền có hiệu nghiệm. Nếu có sự mong cầu, nên tụng 108 biến thì trăm, ngàn việc được thành tựu. Không có thần chú nào khác bì với đà la ni Như ý luân vương này. Vì sao? Vì những nghiệp ác, chướng nặng của quá khứ và hiện tại thấy đều phá hoại được. Nếu có thể tụng đà la ni này thì tội đáng bị đọa vào địa ngục A tỳ liền được giải thoát. Những tội nặng như ngũ nghịch cũng được diệt trừ huông chi là những nghiệp ác khác. Và các ách nạn, tất cả bịnh tật như bịnh sốt trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, lên cơn ban ngày hay ban đêm, hoặc bị trúng gió, mắc bịnh vàng da, bịnh ho đờm v.v... nếu tụng chú này thấy đều lành bịnh. Nếu bị trúng độc, bùa chú, trừ ếm, mụn nhọt, cùi hủi, ghẻ ngứa, điên cuồng, đau đầu, đau tai, đau mũi, đau môi, đau lưỡi, đau răng nướu, đau cổ họng, đau miệng mặt, đau đầu não, đau ngực sườn, đau tim, đau bụng, đau eo lưng, đau tay chân, đau toàn thân v.v... thấy đều được khỏi bịnh. Nói tóm là trong thân có bịnh gì cũng chữa trị được. Tụng chú này thì các loài dạ xoa, la sát, tỳ na dạ ca, ác ma, quỷ thần không thể làm hại; cũng chẳng bị hại vì đao binh, nước lửa, gió bão, mưa đá, oan gia, trộm cướp, bạo chúa, giặc ác; cũng chẳng bị chết ngang trái, bị ác mộng, không bị hại vì các giống độc như rắn rít, bò cạp, rắn lùn, nhện nhện và các thú dữ như sư tử, cọp, sói. Quân trận chiến đấu thấy đều thắng lợi. Nếu có việc quan, tranh tụng đều hòa giải được. Nếu tụng đà la ni này một biến thì những việc kể trên đều được toại ý. Nếu ngày ngày tụng đà la ni này 108 biến thì thấy Bồ Tát Quán Thế Âm đến dạy rằng: Thiện nam tử, ông chớ có sợ hãi, muốn cầu nguyện điều gì, ta sẽ ban cho người tất cả. Đức Phật A Di Đà tự hiện thân tướng, thấy sự trang nghiêm nơi thế giới Cực lạc giống như trong kinh đã nói. Cũng nhìn thấy các chúng Bồ Tát ở thế giới Cực lạc, cũng thấy chư Phật ở trong mười phương, cũng thấy nơi cư ngụ của Bồ Tát Quán Thế Âm là núi Bồ Đát La. Người trì tụng liền được tự thân thanh tịnh, thường được các vua chúa, công khanh, tể tướng cung kính cúng dường, mọi người đều yêu kính. Chỗ thọ sinh chẳng phải ở trong thai mẹ mà là sinh trên hoa sen vi diệu trang nghiêm. Sinh ra nơi nào cũng thường được túc mạng thông. Bắt đầu từ ngày nay cho đến lúc thành Phật rớt ráo chẳng bị đọa vào đường ác, thường sinh trước Phật.

³¹ Ba tai nạn có phân ra lớn và nhỏ. Ba tai nạn lớn là tai nạn lửa, tai nạn nước và tai nạn gió, vào thời kì thế giới sắp hoại diệt. Ba tai nạn nhỏ là tai nạn mất mùa, tai nạn tật dịch và tai nạn đao binh, xảy ra trong mỗi tiểu kiếp của trung kiếp Trụ. Chín thứ hoạnh tử thì trong kinh Dược Sư có ghi: “Ông A Nan hỏi: Chín thứ hoạnh tử là những thứ chi? Cứu Thoát Bồ tát trả lời: Một là nếu có chúng hữu tình nào bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không thầy, không thuốc, không người săn sóc, hay giá có gặp thầy lại cho uống lầm thuốc, nên bệnh không đáng chết mà lại chết ngang. Lại đang lúc bệnh mà tin theo những thuyết họa phước vu vơ của bọn tà ma ngoại đạo, yêu nghiệt trong đời, sinh lòng rúng sợ không còn tự chủ đối với sự chân chánh, đi bói khoa để tìm hỏi mối họa rồi giết hại loài vật để tấu với thần minh, vái van cùng vọng lượng để cầu xin ban phước, mong được sống lâu, nhưng rốt cuộc không thể nào được. Bởi si mê lầm lạc, tin theo tà kiến điên đảo nên bị hoạnh tử, đọa vào địa ngục đời đời không ra khỏi. Hai là bị phép vua tru lục, ba là sa đọa sự chơi bời, săn bắn, đam mê tử sắc, buông lung vô độ, bị loài quỷ đoạt mất tinh khí, bốn là bị chết thiêu, năm là bị chết đắm, sáu là bị các thú dữ ăn thịt; bảy là bị sa từ trên núi cao xuống; tám là bị đè chết vì thuốc độc, êm đối, rửa nộ, trừ eo và bị quỷ tú thi làm hại; chín là bị đói khát khôn khổ mà chết. Đó là chín thứ hoạnh tử của Như Lai nói. Còn những thứ hoạnh tử khác nhiều vô lượng không thể nói hết được.”

³² Kinh lay thứ 68 đến kinh lay thứ 75 là nói biểu tượng của chú Đại bi. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Khi ấy Đại Phạm thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với đức Quán Thế Âm bồ tát rằng: Lành thay đại sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng phật hội, nghe nhiều pháp yếu, nhiều môn đà ra ni, song chưa từng nghe nói chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni này. Cúi xin đại sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của đà ra ni ấy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe. Quán Thế Âm bồ tát bảo Phạm vương: Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hỏi như thế, nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì ông mà nói lược qua. Này Phạm vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm vô vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhường, tâm không tạp loạn,

tâm không chấp giữ, tâm vô thượng bồ đề, nên biết các thứ tâm này đều là tướng mạo của môn đà ra ni này. Vậy, ông nên y theo đó mà tu hành.”

³³ Kính lạy thứ 76 đến kính lạy thứ 85: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: "Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm bồ đề rộng lớn, thề độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sinh khởi lòng bình đẳng, và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như pháp mà tụng trì. Lúc ấy, sẽ có Nhật Quang bồ tát, Nguyệt Quang bồ tát cùng vô lượng thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bảy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tịch Vi Đà và tất cả pháp thuật ngoại đạo. Chúng sinh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma, ngoại đạo, sai khiến được tất cả quỷ thần. Những kẻ tụng kinh tọa thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vọng lượng làm não loạn phá hoại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thấy đều bị trói. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sinh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả thiện thần, Long vương, Kim cang mật tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn trồng con mắt hoặc thân mạng của chính họ".

³⁴ Sơn tinh: yêu tinh ở núi lâu năm. Ly, mị, vọng, lượng: bốn loài tiểu quỷ xuất sinh từ gỗ đá, sống ở đầm, núi. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni ghi: "Nếu ở chốn sơn dã tụng kinh tọa thiền mà có các sơn tinh, tạp mị, vọng lượng, quỷ thần hoành hành não loạn làm cho tâm không được an định, tụng chú (đại bi) này một biến thì các quỷ thần đó đều bị trói lại hết."

³⁵ Kính lạy thứ 86 đến kính lạy thứ 96 là tán thán công đức người trì tụng chú Đại bi: "Người nào trì tụng đà ra ni này nên biết

người ấy chính là tạng Phật thân, vì 99 ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng đả ra ni cứu độ chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn các môn đả ra ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiên định vì trăm ngàn tam muội thầy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ vì tiếng đả ra ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ vì tam tai, ác kiếp không thể làm hại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát vì thiên ma ngoại đạo không thể bức hại. Nên biết người ấy chính là tạng Dược vương vì thường dùng đả ra ni trị bệnh chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng thân thông vì được tự tại dạo chơi nơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!"

³⁶ “Ngài A Nan lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào? Đức Phật bảo: Thần chú này có những tên như sau: 1. Quảng đại viên mãn đả ra ni, 2. Vô ngại đại bi đả ra ni, 3. Cứu khổ đả ra ni, 4. Diên thọ đả ra ni, 5. Diệt ác thú đả ra ni, 6. Phá ác nghiệp chướng đả ra ni, 7. Mãn nguyện đả ra ni, 8. Tùy tâm tự tại đả ra ni, 9. Tốc siêu thánh địa đả ra ni. Ông nên y như thế mà thọ trì.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

³⁷ Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Ngài A Nan lại bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vị bồ tát ma ha tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi, mà khéo nói môn đả ra ni như thế? Đức Phật bảo: Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn.”

³⁸ Kinh Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp (ĐTK 1065, sa môn Tô Phược La dịch) ghi: “Đức Thế Tôn dung Phạm âm ca ngợi bồ tát Quán Tự Tại rằng: Tốt lắm, tốt lắm, Đại liên hoa vương có thể diễn nói pháp thù thắng bậc nhất, dung trăm ngàn

mắt chiếu soi chúng sinh, vì vậy mà gọi Thiên quang nhãn.” “Bồ tát Quán Tự Tại vui vẻ mỉm cười, phóng ra ánh sáng lớn, trên đầu hiển hiện 500 đầu mắt, đủ 1000 con mắt. Trên mỗi mão Thiên quan đều có vị hóa Phật cũng phóng ánh sáng. Trên thân bồ tát hiện ra 1000 cánh tay đều cầm báu vật.”

³⁹ Kinh Bát Không Quyển Sách Chú (ĐTK 1093, đời Tùy, Xà Na Quật Đa dịch) nói về tâm chú tên là Bát Không Quyển Sách Vương. Đức Thế Giới Vương Như Lai ở quốc độ Quán Thị trao truyền tâm chú này cho bồ tát Quán Thế Âm. Bát Không Quyển Sách Quán Âm tay thường cầm một dải lụa bền chắc đi cứu người trong biển khổ; mỗi khi khởi tâm muốn cứu người nào thì đều cứu được, vì vậy mà gọi là "bát không".

⁴⁰ Kính lạy thứ 105 đến kính lạy 148 là trích trong Kinh Bát Không Quyển Sách Chú (ĐTK 1093) nói về lợi ích của việc trì chú Bát Không Quyển Sách Vương: “Bạch đức Thế tôn, lại có người nghe Bát không tâm chú này, nên biết người ấy, nếu ngày xưa đối với người đã làm ra những việc xấu ác, những việc trái với chánh pháp như hủy báng các Thầy, hủy báng chánh pháp, thì ở đời vị lai phải đọa vào địa ngục A tỳ. Tất cả chư Phật, bồ tát, thanh văn, bích chi phật v.v... thấy đều rời bỏ. Người ấy ở đời sau sinh tâm hối hận, không tạo ác nữa, đồng thời người ấy có thể trong một ngày một đêm không thọ thực, tụng tâm chú này, thì những tội nặng của người ấy trở thành tội nhẹ nhận chịu trong đời hiện tại. Người ấy mắc bệnh nóng lạnh trong khoảng một ngày, hoặc mắc bệnh nóng lạnh trong hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày; trong một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày; hoặc đau mắt, đau tai, hoặc đau nhức răng môi, hoặc đau nhức miệng lưỡi, hoặc đau tim, đau bụng, đau đầu gối, đau xương sườn, đau lưng, đau cột sống, đau lồng ngực, đau nhức tay chân do có tật, hoặc bị bệnh trĩ, hoặc đi đại tiện tiêu tiện không thông, hoặc bị bệnh kiết lỵ, hoặc đau nhức ở tay, chân và đầu, bị bệnh ghẻ nhọt, bệnh cùi hủi, nhọt đốm cam, mụn bọc, nhọt đốm hoa, bệnh nhọt độc, nhọt trắng ăn, hoặc mắc bệnh động kinh, các bệnh do quý ám; hoặc bị yếm đói nên nói lầm nhảm đủ thứ, hoặc do người ếm mà mình mắc bệnh, hoặc do mình ếm mà trở lại hại mình; hoặc bị giam cầm tại lao ngục, hoặc bị người đánh đập, hoặc bị người giết hại,

hoặc bị người chửi mắng, xỉ nhục, chê bai. Bạch đức Thế tôn, nay con chỉ nói sơ lược, người ấy bị những nghiệp báo của thân, miệng, ý bức bách, hoặc ban đêm gặp phải ác mộng, tụng chú này thì những hiện báo người ấy nhận chịu do ác nghiệp gây ra thấy đều trừ diệt; huống là những chúng sinh thanh tịnh, chánh tín, chánh hạnh, tụng chú này mà không tiêu diệt được những nghiệp tội hay sao.”

⁴¹ “Hàng trời, người nào thường thọ trì tâm chú này như tấm gôi trong sông, hồ, biển cả, nếu những chúng sinh ở trong đó được nước tắm gội của người này dính vào thân thì bao nhiêu nghiệp nặng tội ác thấy đều tiêu diệt, liền được siêu sinh về Tây phương Tịnh Độ, hóa sinh nơi hoa sen, không còn thọ thân thai, noãn, thấp nữa. Các chúng sinh ấy chỉ nhờ chút ảnh hưởng mà còn được như thế, huống chi là chính người trì tụng?” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴² “Người tụng chú đi nơi đường, có ngọn gió thổi qua mình, nếu những chúng sinh ở sau được ngọn gió của kẻ ấy lướt qua y phục thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng thấy đều tiêu diệt, không còn đọa vào tam đồ, thường sinh ở trước chư Phật, cho nên, phải biết quả báo phước đức của người trì tụng chú thật không thể nghĩ bàn.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴³ “Lại nữa, người trì tụng đà ra ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴⁴ “Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴⁵ Kính lạy thứ 155 đến kính lạy thứ 168 là chỉ thêm cách trì chú sao cho đúng cách: “Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo: Này A

Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn bảy ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thầy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui. Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản, binh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc nhật, nguyệt sai độ v.v... Muốn diệt các thứ tai nạn như thế ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây, sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn, đọc tụng chương cú thần diệu. Hành trì như thế đúng bảy ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tình yên ổn, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi, phi tần, thê nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua, các thiên, long, quý thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp. Lại nếu trong nhà có những tai nạn như ma quái nổi dậy, quỵn thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn, người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhân, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng đà ra ni này đủ ngàn biến, thì tất cả việc xấu như trên thầy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴⁶ Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa ghi: Mặt trời mặt trăng thay đổi bất chừng, thời tiết trái ngược, hoặc mặt trời màu đỏ xuất hiện, mặt trời màu đen xuất hiện, hai ba bốn hay năm mặt trời cùng xuất hiện, hoặc nhật thực không có ánh sáng, hoặc vàng mặt trời có thêm một quầng sáng, hai ba bốn hay năm quầng sáng đồng tâm cùng hiện. Lúc đang xảy ra những điềm quái dị như vậy thì nên đọc tụng kinh này.” Kinh nói bảy tai nạn là: 1. Nạn mặt trời mặt trăng lỗi độ (vận chuyển sai lạc), 2. Nạn các vì sao lỗi độ, 3.

Nạn lửa cháy, 4. Nạn nước mưa xảy biến lạ, 5. Nạn gió dữ, 6. Nạn khí dương quá thịnh, 7. Nạn giặc dữ.

⁴⁷ Chánh văn là chính trị. Có 4 cách hiểu khác nhau về chính trị: 1) nghệ thuật của phép cai trị; 2) những công việc của chung; 3) sự thỏa hiệp và đồng thuận; 4) quyền lực và cách phân phối tài nguyên hay lợi ích (xem Andrew Heywood, *Politics*, Palgrave Macmillan, New York, 2007). Người xưa tóm gọi lại trong chín chữ: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

⁴⁸ “Khi ấy Nhật Quang bỏ tất vì người thọ trì Đại bi tâm đà ra ni nói đại thân chú để ủng hộ rằng: “Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô đạt ma mạc ha đề. Nam mô tăng già đa dạ nê, để chỉ bộ tất đất đốt chiêm nạp ma.” Nhật Quang bỏ tất bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm ba thời tụng chú lễ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁴⁹ Nguyệt Quang bỏ tất cũng vì hành nhơn mà nói đà ra ni để ủng hộ rằng: “Thâm đề đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sá phạ hạ.” Nguyệt Quang bỏ tất lại bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Tụng chú này năm biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành sợi niệt, gia trì chú vào, buộc treo nơi tay, chú này do bốn mươi hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhơn mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chương nạn, tất cả bệnh ác, xa lìa tất cả sự sợ hãi.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁵⁰ “Nếu chúng sanh nào chưa được tín căn Đại Thừa, do sức oai thần của Đà La Ni này, hột giống Đại Thừa tự sanh mầm và tăng trưởng; lại do sức Tư Bi phương tiện của Ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁵¹ Kính lạy thứ 173 đến kính lạy thứ 188: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi là: “Thế nào là 15 việc chết xấu? 1. Không bị chết do đói khát khôn khổ. 2. Không bị chết do gông tù đánh đập. 3. Không bị chết vì oan gia thù địch. 4. Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau. 5. Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại. 6. Không bị chết bởi rắn rít độc cắn. 7. Không bị chết vì nước trôi lửa cháy. 8. Không bị chết bởi phạm nhằm thuốc độc. 9. Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại. 10. Không bị chết vì điên cuồng mê loạn. 11. Không bị chết do té cây, té xuống núi. 12. Không bị chết bởi người ác trừ ếm. 13. Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại. 14. Không bị chết vì bệnh ác lâm thân. 15. Không bị chết vì phi mạng tự hại. Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị 15 việc chết xấu như thế.”

⁵² Kính lạy thứ 189 đến kính lạy thứ 203: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Sao gọi là 15 chỗ sinh tốt? 1. Tùy theo chỗ sinh, thường gặp đấng Quốc vương hiền lành. 2. Tùy theo chỗ sinh, thường ở cõi nước an lành. 3. Tùy theo chỗ sinh, thường gặp thời đại tốt. 4. Tùy theo chỗ sinh, thường gặp bạn lành. 5. Tùy theo chỗ sinh, thân căn thường được đầy đủ. 6. Tùy theo chỗ sinh, đạo tâm thuần thực. 7. Tùy theo chỗ sinh, không phạm cấm giới. 8. Tùy theo chỗ sinh, thường được quyền thuộc hòa thuận, có ân nghĩa. 9. Tùy theo chỗ sinh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ. 10. Tùy theo chỗ sinh, thường được người cung kính giúp đỡ. 11. Tùy theo chỗ sinh, tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt. 12. Tùy theo chỗ sinh, những việc mong cầu đều được toại nguyện. 13. Tùy theo chỗ sinh, Long Thiên, thiện thần thường theo ủng hộ. 14. Tùy theo chỗ sinh, thường được thấy Phật nghe pháp. 15. Tùy theo chỗ sinh, khi nghe chánh pháp ngộ giải nghĩa sâu. Nếu kẻ nào trì tụng chú Đại Bi, sẽ được 15 chỗ sinh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sinh lòng biếng trễ.”

⁵³ Kính lạy thứ 204 đến kính lạy thứ 212: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Nếu có vị Tì khuru, Tỳ khuru Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di hay đồng nam, đồng nữ nào muốn tụng trì chú này, trước

tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sinh, và sau đây y theo tôi mà phát nguyện:

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau biết tất cả pháp.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được mắt trí huệ.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau độ các chúng sinh.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được phương tiện khéo.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau lên thuyền Bát nhã.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được qua biển khổ.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau được đạo giới định.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm lên non Niết Bàn.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau về nhà vô vi.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.
Nếu con hướng về nơi non đao,
Non đao tức thời liền sụp đổ.
Nếu con hướng về lửa, nước sôi,
Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt.
Nếu con hướng về cõi địa ngục,
Địa ngục liền mau tự tiêu diệt.
Nếu con hướng về loài ngựa quỷ,
Ngựa quỷ liền được tự no đủ.
Nếu con hướng về chúng Tu La,
Tu la tâm ác tự điều phục.
Nếu con hướng về các súc sinh,
Súc sinh tự được trí huệ lớn.

Khi phát lời nguyện ấy xong, chí tâm xưng danh hiệu của tôi, lại chuyên niệm danh hiệu bốn sư tôi là đức A Di Đà Như Lai, kể đó tiếp tụng đà ra ni thần chú này. Nếu chúng sinh nào, trong một ngày đêm tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sinh tử."

⁵⁴ Kính lạy thứ 219 đến kính lạy thứ 271: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi:

Tiếp đó, Bồ Tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

Ta sai Mật Tích, Kim Cang Sĩ,
Ô Sô Quân Đồ Ương Câu thi,
Bát bộ lực sĩ, Thường Ca la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma Hê Na La Diên,
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La,
Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tát Giá Ma Hòa La,
Cưu La Đon Tra Bán Chỉ La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tát Bà Đà La Vương,
Ứng Đức Tỳ La Tát Hòa La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Phạm Ma Tam Bát La,
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam,
Đại Biện Công Đức Bà Đát Na,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương,
Các thần Mẫu nữ, chúng Đại Lực,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Ta sai Tỳ Lô Lặc Xoa Vương,
Tỳ Lô Bác Xoa, Tỳ Sa Môn,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Kim Sắc Không Tước Vương,
Hai mươi tám bộ Đại tiên chúng,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma Ni Bạt Đà La,
Táng Chi đại tướng, Phất La Bà,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà,
Bà Đà La Long, Y Bát La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tu La, Càn Thất Bà,
Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai thủy, hỏa, lôi, điện thần,
Cưu Bàn Trà vương, Tỳ Xá Xà,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Các vị thiện thần này cùng thần Long vương, thần Mẫu Nữ đều có 500 Đại lực dạ xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu, lạc mất đường về, tụng trì chú này, thiện thần, long vương hóa làm người lành chỉ dẫn lối. Như hành giả trụ nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa".

⁵⁵ Sau đây là chú thích của H.T Thích Thiên Tâm:

1. Mật tích Kim cang sĩ: Thiên thần cầm kim cang xử theo ủng hộ Phật. Gọi là mật tích vì thần này thường theo Phật nghe những sự tích bản thể bí mật, hoặc các vị này do Phật, Bồ Tát thị hiện làm thần, tung tích rất bí mật, chúng sinh không biết.

2. Ô Sô quân đồ Ương câu thi (Ucchusma angusa) Ô sô quân đồ cũng gọi là Ô Sô Sa Ma, dịch là Uế Tích Kim Cang, Ương câu thi: có nghĩa là Phúc Câu, tên một thứ vũ khí hình như cái móc. Đây là tên của một vị Minh vương thân, có công đức chuyển uế thành tịnh, vị thần này và đầu chân lông đều phun ra lửa, mặt mày phẫn nộ, có bốn cánh tay cầm những thứ vũ khí: gươm, dây roi, xoa hoặc khúc câu.

3. Bát bộ lực sĩ, Thường Ca La: Bát bộ lực sĩ chính là Thiên Long bát bộ. Thường Ca La (Sankara) dịch là Cốt Tỏa Thiên, đây chính là tên vị thiên thần bộ thuộc của đức Quán Âm, thống lãnh bát bộ.

4. Ma Hê Na La Diên (Mahésvara Nàràyana): Ma hê gọi cho đủ là Ma Hê Thủ La, có nghĩa Đại Tự Tại, dịch là lực sĩ hoặc Kiên cố. Đây là tên vị thiên thần rất hùng mãnh, có ba con mắt, tám cánh tay, ở cõi Sắc Cứu Cánh.

5. Kim Tỳ La Đá Ca Tỳ La: gọi tắt là Kim Tỳ La Đà (Kumbhirabà) dịch là Oai Như Vương, thân hình sắc trắng hồng, tay trái cầm bảo cung, tay mặt cầm bảo tiền

6. Bà Cấp Ta Lô La: Ta Lô La cũng gọi là Ca Lô La, đây chỉ cho vị thần thống lãnh loài Kim Sứy Điểu.

7. Mãn Thiên Xa Bát Chân Đà La: Chân Đà La tức Khẩn Na La, đây là chỉ cho tên vị thần thống lãnh loài Nhon Phi Nhon.

8. Tát Giá Ma hòa La: Ma Hòa La cũng gọi Ma Đà La (Makara) tức là cá Ma Kiệt, loài cá này rất lớn, cơ thể dài đến 700 do tuần. Đây là tên chỉ cho vị thần thống lãnh loài cá Ma Kiệt.

9. Cựu Lan Đơn Trà Bán Chỉ La: cũng gọi là Bán Chỉ Ca (panika), tức là vị đại thần đứng vào hàng thứ ba trong hàng tám vị Dược xoa đại tướng.

10. Tất Bà Già La Vương: tức là thọ thần vương, vị thần làm chủ các loài cây.

13. Ứng Đức Tì La Tát Hòa La: dịch là Hoan hỉ thần.

14. Phạm Ma Tam Bát La: tức là Phạm Thiên vương.

15. Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La: gọi tắt là Diêm Ma Thiên (Suyàmadeva), vị Thiên tử quyết đoán những nghiệp lành dữ của chúng sinh.

16. Thích Vương Tam thập tam: tức là trời Đế Thích ở cõi trời Đao Lợi, làm chủ 33 cung trời, đây là chỉ cho vị Đế Thích cùng 32 vị thiên chủ tùy thuộc.

17. Đại Biện Công Đức Bà Đát Na: Bà Đát Na dịch là Tăng Ích, đây là chỉ cho Đại Biện Tài Thiên vương.

18. Thần Mẫu Nữ, chúng đại lực: tức là thần Quỷ Tử Mẫu, thống lãnh đại lực dạ xoa.

19. Tỳ Lô Lặc Xoa vương (Virùdhaka): Tăng trưởng thiên vương.

20. Tỳ Lô Bác Xoa Tỳ Sa Môn, gọi tắt là Tỳ Sa Môn (Vairasana) tức Đa Văn Thiên Vương.

21. Kim Sắc Khổng Tước Vương: tên một vị thần thân mình sắc vàng rực, tay tả cầm phượng báu, trên báu có chim khổng tước (chim công).

22. Ma Ni Bạt Đà La (Manibhadra) tức Bảo Hiền, một trong tám vị Dược xoa đại tướng.

23. Táng Chi Đại tướng, Phất La Bà: cũng gọi là Phất Bà La Ha (Puspàraha) dịch là Thực Hoa, một trong tám vị Dược xoa đại tướng.

24. Nan Đà, Bạt Nan Đà (Nanda, Upananda): dịch là Hoan Hi, Thiện Hoan Hi. Tên của hai vị Long vương huynh đệ, Nan Đà là rồng lớn, Bạt Nan Đà là rồng nhỏ. Hai vị Long vương này mỗi vị đều có bảy đầu, tay hữu cầm đao, tay tả cầm dây.

25. Bà Già La Long Y Bát La: Bà Già La dịch là Hàm Hải Long Vương, Y Bát La dịch là Hương Diệp Long vương, mình rồng đầu voi.

26. Cưu Bàn Trà vương, Tỳ xá xà: Cưu Bàn Trà (Kumbhanda) dịch là Yêm Mị Quý, Tỳ Xá Xà (Pisaca) dịch là Đạm Tinh Khí Quý. Đây là hai loại quỷ vương trong bát bộ quỷ thân.

⁵⁶ Kính lạy thứ 272 đến kính lạy thứ 278: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Này Phạm vương! Nếu chúng sinh nào muốn tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm một sợi niệt, trước tiên tụng chú này 5 biến, kế tụng 21 biến, cứ tụng xong mỗi một biến lại thắt một gút, rồi đeo nơi cổ hoặc bỏ nơi đẫy. Tâm chú Đại bi đây do 99 ức hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các đức Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: công đức lực độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm bồ đề chưa phát, mau được phát sinh; hàng thanh văn chưa chứng may được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng bồ đề, mau được phát tâm bồ đề, nếu chúng sinh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của đà ra ni này, hột giống đại thừa tự sinh mầm và tăng trưởng, lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu. Lại nữa, trong tam thiên đại thiên thế giới, những chúng sinh ở nơi ba đường ác, ở chỗ sâu kín tối tăm, nghe thần chú của ta đây, đều được lìa khổ. Các vị bồ tát chưa lên bậc sơ trụ, mau được siêu lên, cho đến mau chứng ngôi thập trụ. Mau đến quả vị Phật, thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình. Nếu hàng Thanh văn một phen được nghe qua chú này, hoặc biên chép, tu hành môn đà ra ni này, dùng tâm chất trực như pháp mà trụ, thì 4 quả sa môn không cầu tự được. Công lực của thần chú này có thể khiến cho nước sông, hồ, biển cả trong cõi đại thiên dâng trào, vách đá, núi nhỏ, núi thiết vi và

núi Tu Di thấy đều rung động, lại có thể làm cho tan nát như bụi nhỏ, những chúng sinh ở trong ấy đều phát tâm Bồ đề.

⁵⁷ Bồ tát trải qua 5 vị, mỗi vị có 10 phần gọi là Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa. Theo kinh Lăng Nghiêm, 5 vị gồm có:

1. Tu lương vị tức là Thập tín. Bước vào vị Bồ tát thì Thập tín là căn bản, gồm có: 1. Tín tâm, 2. Niệm tâm, 3. Tinh tấn tâm, 4. Tuệ tâm, 5. Định tâm, 6. Bất thối tâm, 7. Hộ pháp tâm, 8. Hồi hướng tâm, 9. Giới tâm, 10. Nguyện tâm.

2. Gia hạnh vị tức là Thập trụ: 1. Phát tâm trụ, 2. Trị địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sinh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.

3. Kiến đạo vị tức là Thập hạnh: 1. Hoan hỉ hạnh, 2. Nhiều ích hạnh, 3. Vô sân hận hạnh, 4. Vô tận hạnh, 5. Ly si loạn hạnh, 6. Thiện hiện hạnh, 7. Vô trước hạnh, 8. Tôn trọng hạnh, 9. Thiện pháp hạnh, 10. Chân thật hạnh.

4. Tu đạo vị tức là Thập hồi hướng: 1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng, 2. Bất hoại hồi hướng, 3. Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng, 4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng, 5. Vô tận công đức tạng hồi hướng, 6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng, 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng, 8. Chân như tướng hồi hướng, 9. Vô phược giải thoát hồi hướng, 10. Pháp giới vô lượng hồi hướng.

5. Cứu kính vị tức là Thập địa: 1. Hoan hỉ địa, 2. Ly cấu địa, 3. Phát quang địa, 4. Diệm tuệ địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiện tuệ địa, 10. Pháp vân địa.

Đây là phối hợp 5 vị trải qua 50 địa của chư Bồ tát.

⁵⁸ Kính lạy thứ 279 đến kính lạy 286: Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú (ĐTK 1082, Thực Xoa Nan Đà dịch) có ghi: “Khi Quán Thế Âm bồ tát nói Như Ý Luân đà la ni này xong thì đại địa chấn động theo sáu cách. Các cung điện của trời, rồng, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già v.v... thầy đều bị chấn động. Ma vương và các chúng ma thầy đều rất kinh sợ. Cung điện của ma vương đều bốc lửa. Các loài còn lại, dạ xoa, ác quỷ cũng đều hoảng hốt che mặt té lăn xuống đất. Tất cả cửa địa ngục đều mở, tội nhân ở trong đó được giải thoát và nhận được thắng lạc của cõi trời. Lúc ấy, trời tuôn mưa hoa với mọi thứ vật dụng trang nghiêm quý báu, các âm nhạc của cõi trời từ trong hư không vang ra mọi thứ âm thanh cúng dường.” “Có sự mong cầu thì nên tụng 108 biến chú này thì ngàn việc liền thành. Lại không có thần chú nào khác bì kịp Như ý luân vương đà la ni này. Vì sao? Vì nghiệp ác, chướng nặng của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thầy đều phá hoại được. Nếu hay trì tụng đà la ni này thì tội đáng bị đọa vào địa ngục A tỳ liền được giải thoát”. “Tài vật, tôi tớ, tất cả nhạc khí, bao điều ưa thích, nếu ở nơi xa, tùy theo ý mong cầu đều như gió đến mau”. “Nếu muốn thấy bồ tát Quán Thế Âm thì tụng 1080 biến (Như ý luân đà la ni) thì liền thấy chân thân của đại sĩ và thành mãn tất cả”. “Nếu muốn thấy chư Phật với các đại chúng thì tụng một muôn ba ngàn biến (Như ý luân đà la ni) thì liền thấy”

⁵⁹ Kính lạy thứ 287 đến kính lạy 292: Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni (ĐTK 1083, đời Đường, Bảo Tư Duy dịch) ghi rằng: “Bấy giờ bồ tát Quán Thế Âm thưa với đức Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, con có pháp đại đàn tên là Liên hoa phong kim cang gia trì bí mật vô ngại và mình chú tên là Quán Thế Âm liên hoa như ý ma ni chuyển luân tâm đà la ni. Bạch đức Thế Tôn, vì sao gọi là sự thành tựu tối thắng tâm của việc quán sát âm thanh thế gian, đó là vì có thể làm cho những ước nguyện của tất cả chúng sinh được thành tựu. Nay ở trước đức Thế Tôn con xin nói, xin đức Thế Tôn gia hộ cho con, vì tất cả chú tiên mà tuôn trận mưa báu, như cội cây ở trong đại kiếp, như viên ngọc Ma ni như ý thường làm cho những nguyện cầu của chúng sinh được tròn đầy. Đức Phật bảo: Ta đã gia trì cho ông, ông nay hãy nói bản nguyện và tâm chú bí mật Quán Thế

Âm để cho tất cả mong cầu đều được tròn đầy, không có chướng ngại.”

⁶⁰ Kinh lạ thứ 293 đến kinh lạ thứ 295: Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni có ghi: “Bấy giờ đức Thế Tôn dung âm thanh Ca lãng tần già đẹp màu ca ngợi bồ tát Quán Thế Âm rằng: Tốt lắm tốt lắm, ông vì lợi ích tất cả chúng sinh nên nói công năng của chú này. Bồ tát Quán Thế Âm thưa với Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, tỳ kheo, tỳ kheo ni mà muốn cầu nguyện được các lợi ích ngay trong đời sống hiện tại thì lời cầu nguyện ấy liền được kết quả. Phải ráng siêng tu chú ấn Như Ý này, không phải tác pháp, không cầu ngày có sao, không phải trì trai, không phải tắm gội, không cần trang phục đặc biệt, khi thọ trì chú không gì cực khổ, chỉ cần đọc là có thành tựu. Người trì tụng làm được các sự nghiệp, có thể làm được trăm ngàn các thứ sự nghiệp, không có chú nào khác cho điều này bằng với chú đây.”

⁶¹ Kinh lạ thứ 296 đến kinh lạ thứ 304: Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni có ghi: “Nay con sẽ nói sự thể chỉ đọc tụng liền thành tựu vô thượng: Người sắp đọa địa ngục A Tỳ, vừa đọc liền được thanh tịnh. Người mắc năm tội Vô gián liền tiêu tội. Người mắc nhiều bệnh đều lành cả. Nếu người bị tai họa chỉ đọc chú này đều giải trừ. Tất cả chú thuật, bùa ém độc ác đều không thể hại. Tất cả bệnh ung nhọt chẳng dính vào thân. Tất cả quỷ thần, Tàn na dạ ca, các thứ dao gậy, mưa gió, tai ách, quân ma, giặc cướp, ngoại xâm, nạn vua, oan gia rình rập, vật độc, thú dữ đều chẳng làm hại được. Trọn đời chẳng bị hoạn tử, chẳng thấy ác mộng. Chiến phạt đấu tranh không thấy đều thắng lợi. Các việc như vậy chỉ đọc tụng liền thành tựu. Lúc sáng sớm tụng đủ 100 biến thì trong ngày ấy bồ tát Quán Thế Âm hiện ra trước người đó làm cho những sự nguyện cầu thầy đều thành tựu, lại còn thấy tất cả chư Phật Như lai, thấy đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây nơi quốc độ Cực lạc cùng pháp hội bồ tát, thấy cung điện của bồ tát Quán Thế Âm ở trong núi Bồ đặc lạc già. Thân thể của người ấy trở nên thanh tịnh, quý nhân cung kính cúng dường, mọi người ưa gặp gỡ. Những tội chướng, phiền não trói buộc cũng trở thành thanh tịnh. Sinh ra nơi nào cũng được Túc mạng trí, hóa sinh trong hoa sen, tất cả những phẩm tính tốt đẹp dung để trang

nghiêm, thẳng đến bò đê, xa hẳn nẻo ác, rốt ráo thành Phật. Tội ác tiêu diệt, khéo đi đến thanh tịnh là nhờ thần chú đọc tụng liền được thành tựu. Bấy giờ bò tát Quán Thế Âm, lại nói công năng bí mật tối thượng của chú này là vì lợi ích và thương xót tất cả chúng sinh. Nắm giữ chú này thì chế phục được người ác, làm cho tâm từ tăng trưởng, niệm tụng liền thành. Thần chú này có thể cho chúng sinh những lợi ích lớn, như làm cho người trí được niềm an lạc lớn, hàng hóa lương thực thêm nhiều, giàu sang, của cải đồ dung thấy đều dư dả, thân sắc đẹp ra, sức khỏe dồi dào. Thần chú bí mật này được nói ra không có hư dối. Nếu muốn chân thật thành tựu vô thượng thì cần thực hành như ý ma ni đại ấn niệm tụng liền thành. Nếu ăn rồi, nếu chưa ăn, nếu trong sạch hay không trong sạch, trường hợp nào cũng phải thường tụng niệm thì không bị những khốn khổ. Khi tụng niệm phải nghĩ nhớ bò tát Quán Thế Âm là bậc mà mình cần nương tựa.”

⁶² Kính lạy thứ 313 đến kính lạy thứ 351: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi:

Nếu chúng sinh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu như ý. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phần tra.

Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành dương liễu. Chân ngôn rằng: Án, tô tát địa, ca rị, phạ rị, đa nẫm đa, mục đa duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra, bạng đả, hạ nằng hạ nằng, hồng phần tra.

Nếu muốn trị các thứ bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu. Chân ngôn rằng: Án, chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt-ra, hồng phần tra.

Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhựt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: Án, độ tỉ, ca giả độ tỉ, bát ra phạ rị nảnh, tát-phạ hạ.

Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm bạt chiết la. Chân ngôn rằng: Án, nễ bệ nễ bệ, nễ bà đã, ma ha thất rị duệ, tát-phạ hạ.

Nếu muốn hàng phục tất cả oán tặc, nên cầu nơi tay cầm chày kim cang. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt-ra, chỉ nãnh, chỉ nãnh, bát-ra nễ bát đa đã, tá-phạ hạ.

Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay thứ vô úy. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt-ra, nẳng đã, hồng phẩn tra.

Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây quyển sách. Chân ngôn rằng: Án, chi rị, lã ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.

Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châu nguyệt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: Án, tô tất địa, yết rị, tát-phạ hạ.

Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu. Chân ngôn rằng: Án, a tả vĩ, lệ, tát-phạ hạ.

Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu. Chân ngôn rằng: Án, ca mạ lã, tát-phạ hạ.

Nếu muốn hàng phục tất cả quỷ, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm gương báu. Chân ngôn rằng: Án, đế thê, đế nhá, đồ vĩ nãnh, đồ đề bà đà đã, hồng phẩn tra.

Nếu muốn trừ những chướng nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát trắng. Chân ngôn rằng: Án, bát na di nãnh, bà nga phạ đế, mô hạ đã nhá, nga mô hạ nãnh, tát-phạ hạ.

Nếu muốn tất cả người trong quyển thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình. Chân ngôn rằng: Án, yết lệ thăm mẫn diệm, tát-phạ hạ.

Nếu muốn xua đuổi loài hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm cái bàng bài. Chân ngôn rằng: Án, đượ các sam năng, na dã chiến nại-ra, đạt nậu bá rị-dã, bạt xá bạt xá, tát-phạ hạ.

Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lia nạn quan quân vòir bắt, nên cầu nơi tay cầm cây phủ việt. Chân ngôn rằng: Án, vị ra dã, vị ra dã, tát-phạ hạ.

Nếu muốn có tôi trai tở gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc vòng ngọc. Chân ngôn rằng: Án, bát na hàm, vị ra dã, tát-phạ hạ.

Nếu muốn đượ các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm hoa sen trắng. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra, vị ra dã, tát-phạ hạ.

Nếu muốn đượ sinh về mười phương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm hoa sen xanh. Chân ngôn rằng: Án, chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, bộ ra bạ ã ã hồng phẩn tra.

Nếu muốn đượ trí huệ lớn, nên cầu nơi tay cầm cái gương báu. Chân ngôn rằng: Án, vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà ã, hồng phẩn tra.

Nếu muốn đượ diện kiến mười phương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm hoa sen tím. Chân ngôn rằng: Án, tát ra, tát ra, phạ nhựt ra, hồng phẩn tra.

Nếu muốn lấy đượ kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm cái bảo kíp. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra, bát thiết ca rị, yết năng hàm ra hồng.

Nếu muốn đượ đạo tiên, nên cầu nơi tay cầm hóa hiện mây ngũ sắc. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra, ca rị ra tra hàm tra.

Nếu muốn sinh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình quân trì. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra thể kê ra, rô tra hàm tra,

Nếu muốn được sinh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm hoa sen hồng. Chân ngôn rằng: Án, thương yết lệ, tát phạ hạ.

Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây bảo kích. Chân ngôn rằng: Án, thăm muội dã, chỉ nãnh hạ rị, hồng phẩn tra.

Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầm nơi tay ống loa báu. Chân ngôn rằng: Án, thương yết lệ, mạ hạ thăm mẫn diệm, tát phạ hạ.

Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy đầu lâu. Chân ngôn rằng: Án, độ năng, phạ nhựt ra.

Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm râu chuỗi ngọc. Chân ngôn rằng: Năng mò a đá năng, đát ra dạ dã, Án, a na bà đề vĩ nhĩ duệ. Tất địa tất đà lật đế, tát phạ hạ.

Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm màu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu. Chân ngôn rằng: Năng mò bát ra hàm bá noa duệ, án, a mật lật đảm, nghiễm bệ thất rị duệ, thất rị, chiêm rị nãnh, tát phạ hạ.

Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt ra, nãnh đảm nhá duệ, tát phạ hạ.

Nếu muốn được Thiên thần, Long vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm cu thi thiết câu. Chân ngôn rằng: Án, a rô rô, đát ra ca ra, vĩ sa duệ, năng mò tát phạ hạ.

Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sinh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây tích trượng. Chân ngôn rằng: Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nãnh, hồng phẩn tra.

Nếu muốn cho tất cả chúng sinh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay hiệp chưởng. Chân ngôn rằng: Án, bát nạp mạng, nhá lãng hất rị. (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: Án, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phân tra).

Nếu muốn tùy theo chỗ sinh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật. Chân ngôn rằng: Án, chiền na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phân tra.

Nếu muốn đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sinh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện. Chân ngôn rằng: Án, vi tát ra, vi tát ra, hồng phân tra.

Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển kinh báu. Chân ngôn rằng: Án, a hạ ra, tát ra phạ ni, nễ đã đà ra, bố nễ đế, tát phạ hạ.

Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm bỏ đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm bắt thối kim luân. Chân ngôn rằng: Án, thiết na di tả, tát phạ hạ.

Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay đánh thượng hóa Phật. Chân ngôn rằng: Án, phạ nhựt rị ni, phạ nhựt lãnh nghệ tát phạ hạ.

Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm bồ đào. Chân ngôn rằng: Án, A ma lã kiếm đế nễ nãnh, tát phạ hạ.

Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay hóa nước cam lộ. Chân ngôn rằng: Án, tổ rô tổ rô bác ra tổ rô, bác ra tổ rô, tổ rô dã, tát phạ hạ.

Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nhiếp thiên thủ. Chân ngôn rằng: Đát nễ dã thá, phạ lồ chi đế, thấp phạ ra dã, tra ô hạ di dã, sá phạ hạ.

Này A Nan! Những việc có thể mong cầu như thế, kể có ngàn điều. Nay ta chỉ nói lược qua chút ít phần thôi.

⁶³ Hồ bình: cái bình có hình đầu chim, pháp khí cầm tay nơi tay bên phải trong 40 tay của đức Thiên Thủ Quán Thế Âm. Cánh tay đó gọi là Hồ bình thủ hay Bảo bình thủ. Tương truyền bình này do người nước Hồ ở phía Bắc núi Tuyết mô phỏng theo hình Kim sí điều mà chế ra. Chuyên luân thánh vương đặt bình này ở trước thân, tiêu biểu cho nghĩa tự tại. Trong Mật giáo có pháp tu Hồ bình, cầu cho quyền thuộc được hòa thuận. Tu pháp ấy thực hành như sau: đặt Hồ bình đầy nước trước tôn tượng, niệm tụng chân ngôn rồi rưới nước ấy lên những quyền thuộc bất hòa, thì tất cả đều được hòa thuận an vui, như nhiều vị hợp thành một vị.

⁶⁴ Bàng bài: là vũ khí phòng ngự thời cổ đại, tính chất như cái mộc, dung da thú bao bọc lại, có hai loại: dài và tròn, bộ binh thì loại dài, kỵ binh dung loại tròn.

⁶⁵ Cây búa lớn.

⁶⁶ Chánh văn là bất thoái kim cang thủ, là lỗi khi in ấn, đúng phải là bất thoái kim luân thủ.

⁶⁷ Kinh lạy thứ 372 và 373: “Bồ tát thuyết chú xong, cõi đất sáu phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, mười phương chư Phật thấy đều vui mừng, thiên ma ngoại đạo sợ dựng lông tóc. Tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu đà hoàn, có vị chứng quả Tư đà hoàn, hoặc có vị chứng quả A na hàm, có vị chứng quả A la hán, hoặc có vị chứng được sơ địa, nhị địa, tam địa, tứ địa, ngũ địa cho đến thập địa, vô lượng chúng sinh phát lòng Bồ đề.” (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni)

⁶⁸ Tứ quả thanh văn: tu đà hoàn, tư đà hàm, a na hàm và a la hán.

⁶⁹ Kính lạy thứ 379 đến kính lạy thứ 389: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni có ghi: “Lại nữa, người trì tụng đà ra ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma ngoại đạo, Thiên, Long, quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật. Người nào trì tụng đà ra ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì 99 ức hằng hà sa chur Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng đà ra ni cứu độ chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn các môn đà ra ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiên định vì trăm ngàn tam muội thầy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ vì tiếng đà ra ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ vì tam tai, ác kiếp không thể làm hại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát vì thiên ma ngoại đạo không thể bức hại. Nên biết người ấy chính là tạng Dược vương vì thường dùng đà ra ni trị bệnh chúng sinh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông vì được tự tại dạo chơi nơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!”

⁷⁰ Lục tự minh chú: Án ma ni bát di hồng (Om mani padme hum). Lục Tự Đại Minh Chú, Om mani padme hum, có nghĩa là dựa vào đường tu kết hợp thuần nhất phương tiện và trí tuệ mà người tu có thể chuyển hóa thân miệng ý ô nhiễm của mình thành thân miệng ý thanh tịnh của Phật.

⁷¹ Kính lạy thứ 394 đến kính lạy thứ 426: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25 ghi: “Đức Thế tôn dạy bồ tát Vô tận ý, thiện nam tử, người ở thế giới nào nên hóa độ bằng thân hình Phật đà thì Quan âm đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Duyên giác thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Thanh văn thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp. Người nào nên

hóa độ bằng thân hình Phạm vương thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Đế Thích thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Tự tại thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Đại tự tại, thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Thiên đại tướng quân thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình Tỳ sa môn thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình quốc chúa thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình trưởng giả thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình cư sĩ thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình tể quan thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hóa độ bằng thân hình bà la môn thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp. Những người nên hóa độ bằng những thân hình tỷ kheo và tỷ kheo ni, ưu bà tắc và ưu bà di, thì đại sĩ biến thể những thân hình ấy mà thuyết pháp. Những người nên hóa độ bằng những thân hình phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan và bà la môn, thì đại sĩ biến thể những thân hình phụ nữ ấy mà thuyết pháp. Những người nên hóa độ bằng những thân hình đồng nam và đồng nữ, thì đại sĩ biến thể những thân hình ấy mà thuyết pháp. Những ai nên hóa độ bằng những thân hình tám bộ thì đại sĩ biến thể những thân hình ấy mà thuyết pháp. Ai nên hóa độ bằng thân hình thần Chấp kim cương thì đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp. Vô tận ý, Quan âm đại sĩ hoàn hảo năng lực như vậy: dùng mọi thân hình vào mọi thế giới mà hóa độ cho chúng sinh.” (Kinh Pháp Hoa, H.T Trí Quang dịch)

⁷² Kinh lạ thứ 463 đến kinh lạ thứ 472: Kinh Diệu Pháp Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25: “Này Vô tận ý, hãy nghe cho khéo. Việc làm Quan âm là khéo đáp ứng hết thảy mọi người ở khắp mọi nơi, với sự thệ nguyện sâu rộng như biển, một sự thệ nguyện cực kỳ hùng vĩ, vô cùng trong sáng, và được đại sĩ đã từng phát ra, trong khi trải qua vô số thời kỳ không thể nghĩ bànphụng sự rất nhiều vạn ức đức Phật. Nay đây Như lai chỉ nói vắn tắt. Ai nghe danh hiệu hoặc thấy hình tượng Quan âm đại sĩ, chuyên tâm trì niệm chứ không bỏ qua, thì hết đau khổ ở trong những nơi còn có đau khổ. Bị kẻ ác ý xô

xuống hồ lửa, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm tắt hồ lửa như bị nước tưới. Trôi nổi biển cả rỗng, cá, quái vật, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm cho sóng nước không thể nhận chìm. Trên đỉnh Tu di bị xô rơi xuống, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm như mặt trời đứng trong không gian. Kẻ ác đuổi rơi chân núi đá cứng, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm không thương tổn đến một mảy lông. Giặc thù bao vây cầm đao muốn hại, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm giặc thù ấy sinh ra hiền lành.” (Kinh Pháp Hoa, H.T Trí Quang dịch)

⁷³ Kính lạy thứ 473 đến kính lạy thứ 497: Kinh Diệu Pháp Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25: “Chúng sinh khốn đốn vì bao đau khổ, cái nhìn tuệ giác của Quan thế âm đầy cả năng lực cứu khổ cho đời. Quan âm đại sĩ đầy thần thông lực, đầy tuệ giác lực, đầy phương tiện lực, cho nên khắp cả mười phương thế giới không đâu mà không biến thể xuất hiện. Chỗ dữ địa ngục, nga quỷ súc sinh, cho đến khổ lớn sinh già bệnh chết, đại sĩ làm cho dần dần hết sạch. Nhìn đúng sự thật, nhìn thật trong suốt, nhìn với tuệ giác vô cùng vĩ đại, nhìn bằng đại bi, nhìn theo đại từ, nên hãy thường xuyên nguyện cầu chiêm ngưỡng. Là thể trong suốt sáng không tỳ vết, là vàng tuệ nhật phá tan hắc ám, là lửa rực sáng xua tan tai nạn, ngài trải hào quang khắp cả trần gian. Bản thể đại bi như sấm thức tỉnh, ý thức đại từ như mây dòn lớn, đại sĩ mưa xuống nước Pháp cam lộ rưới tắt lửa dữ của bao phiền não. Đồi chất của quan, kinh hoàng chiến trận, năng lực trì niệm Quan âm đại sĩ làm cho giặc thù lui bước tan rã. Tiếng cực tinh tế, tiếng nhìn vào đời, tiếng giống Phạm thiên, tiếng như hải triều, tiếng hơn tất cả cung bậc trong đời, nên hãy thường xuyên chuyên tâm trì niệm. Hãy niệm liên tục, đừng có hoài nghi; trong cơn đau khổ, chết chóc, nguy khốn, Quan âm đại sĩ vị Thanh tịnh ấy là nơi nương tựa cho bao chúng sinh. Là bậc trọn vẹn phẩm chất hoàn hảo, là mắt từ bi nhìn xuống chúng sinh, là biển dòn lại vô lượng phước đức, vị đại sĩ ấy đáng kính đáng lạy.” (Kinh Pháp Hoa, H.T Trí Quang dịch)

⁷⁴ Tùy tâm chú là tùy theo tâm nguyện cầu mà tất cả thiện nghiệp được thành tựu. Chú này còn gọi là Quán Thế Âm bồ tát Phổ Môn thần chú.

⁷⁵ Tương tục tâm: chuỗi tương tục các tâm và tâm sở, vì vậy mới có ra sự luân hồi tái sinh.

⁷⁶ Tam cõi = tam hữu = tam giới: tức 3 cõi Dục, Sắc và Vô Sắc. Tam giới mà nói là hữu, là vì: 1. Sắc giới và vô sắc giới vẫn còn sinh tử liên tục chưa phải giải thoát; 2. Cả 3 cõi đều là cảnh giới sinh tử, có nhân có quả mà có (hữu), tức nói quả báo dị thực.

⁷⁷ Ba thứ nghiệp báo: Hiện báo, sinh báo, hậu báo. Nếu thân này gây nghiệp tức thân này chịu, gọi là hiện báo. Đời này gây nghiệp đời sau chịu báo, gọi là sinh báo. Đời này gây nghiệp quả sau các đời sau nữa mới chịu báo, gọi là hậu báo, vì qua sau đời sau nên gọi là hậu.

⁷⁸ Đây gọi là ba chướng ngại cản trở tu tập Thánh đạo của Bồ Tát: nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng. Nói đơn giản, nghiệp chướng là 5 tội nghịch, 10 điều ác, báo chướng là quả báo sinh tử luân hồi trong 6 nẻo, phiền não chướng là tham sân si.

⁷⁹ Kinh Quan Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ nằm trong Vạn tự chánh tục tạng kinh, ta quen gọi là tạng chữ Vạn, Vol.1, No. 34. Kinh này là một trong những kinh Ấn Độ soạn thuật, thuộc Phương đẳng bộ. Phương đẳng bộ là các kinh đại thừa ngoài bốn bộ: Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn. Trong Phương đẳng bộ chia làm hai bộ chính là Bảo Tích và Đại Tập. Nếu phân loại theo hiện mật thì kinh này thuộc Phương đẳng mật chú bộ, vì có thần chú Quan Thế Âm bồ tát cứu khổ, gọi tắt là thần chú Cứu khổ. Chánh văn là:

Quan Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ Kinh

Nam mô cứu khổ Quan Thế Âm bồ tát, bách thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn, thử kinh đại thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu thiên tai bách nạn khổ. Nhược hữu nhân, tụng đắc nhất thiên biến, nhất thân ly khổ nạn, tụng đắc nhất vạn biến, hợp gia ly khổ nạn. Nam mô Phật lực uy, nam mô Phật lực hộ, sử nhân vô ác

tâm, linh nhân thân đặc độ. Hồi Quang bồ tát, Hồi Thiện bồ tát, A Nậu đại thiên vương, Chánh Điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo, quan sự đặc tán, tư sự đặc hưu. Chư đại bồ tát, ngũ bách la hán, cứu hộ đệ tử thân, tát giai ly khổ nạn. Tự nhiên Quan Thế Âm, anh lạc bát tu giải, cần tụng thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đặc giải. Tín thọ phụng hành, tức thuyết chân ngôn viết: Kim bồ kim bồ đề, đà la ni đề, ni khur la đế, bồ đề tát bà ha.

Lược ghi:

Nam mô (Namah/Namaha) là phiên âm tiếng Phạn, nghĩa là kính lễ, kính lạy, xin thành kính đến, quay về nương tựa (qui y). Đây là lời của chúng sinh hướng về Phật, bồ tát, giáo pháp, thánh hiền tăng mà thốt lên lời thật long qui y, tín thuận.

Bồ tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara Bodhisattva) là vị đại sĩ quán sát, lắng nghe âm thanh của cuộc đời, “soi thấy bằng ngàn mắt và nắm giữ bằng ngàn tay”, sẵn sàng cứu khổ chúng sinh: “ngàn nơi cầu nguyện ngàn nơi ứng, biển khổ thuyền dong cứu độ người”. Bồ tát Quán Thế Âm xuất hiện rất nhiều trong hầu hết kinh điển đại thừa, ngài tượng trưng cho đức tánh từ bi (karuna) qua thần lực cứu độ chúng sinh đang đau khổ và phương tiện lực dẫn dắt chúng sinh đi đến giải thoát.

Thánh (arya) là khái niệm đối lập với phàm tục. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chủ trương đả phá bốn giai cấp đương thời (sát đế lợi, bà la môn, phệ xá và thủ đà la), vì thế những người gia nhập tăng đoàn là Thích tử bình đẳng, không y cứ vào gia thế, tư cách, tài sản, lấy chánh đạo làm thánh. Người tìm cầu và thực hành chánh đạo đều gọi là thánh. Sự xuất gia cầu đạo của đức Phật Thích Ca gọi là thánh cầu. Bát chánh đạo còn gọi là bát thánh đạo, tức tám con đường thánh đưa đến niết bàn. Tứ diệu đế, bốn chân lý chắc thật, còn gọi là tứ thánh đế, bốn chân lý của bậc thánh. Chữ thánh trong kinh này hiểu là chân chánh, vi diệu, mẫu nhiệm, cao cả.

Bồ tát (Bodhisattva) gọi đủ là bồ đề tát đỏa, chỉ cho người tu hành mà trên thì cầu thành Phật bằng trí tuệ, dưới thì hóa độ chúng

sinh bằng từ bi, là người có đủ hai hạnh: lợi ích lợi người và dừng mãin cầu Phật quả. Bồ tát Hồi Quang là bồ tát Soi chiếu lại tâm mình. Bồ tát Hồi Thiện là bồ tát Trở về tánh thiện vốn có của mình.

Đại thiên vương A Nậu, còn gọi là A Nậu Quan Âm, tức một trong 33 ứng thân của bồ tát Quan Thế âm, là hình tượng vị bồ tát ngồi trên gộp đá nhìn ra biển. Như kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn ghi: “Hoặc trôi dạt biển lớn, các nạn dữ cá rồng, do sức niệm Quan Âm, sóng không thể nhận chìm”. Vì biển cả và cá rồng có nhân duyên với ao A nậu đạt nên bồ tát Quan Âm mới có danh xưng như vậy.

Bồ tát Chánh Điện là bồ tát Cung điện của chánh pháp, lấy ý nghĩa bản thân là cung điện phụng thờ chánh pháp của Phật. Kinh Ngũ Bách Danh ghi là Chánh Thiện bồ tát, là bồ tát Điều lành của chánh pháp.

Tỳ kheo (bí sô), tiếng Phạn là bhikṣu, có nghĩa là thành tựu trọn vẹn, Trung Hoa dịch là cận viên (gần tới viên tịch: niết bàn) hay bước lên chỗ cao (upasampada). Tỳ kheo là vị được tôn cao trong các chúng khác (chúng trung tôn), là vị cụ túc giới pháp (250 giới điều) và oai nghi (không có những cử động bất xứng). Theo luận Đại trí độ, tỳ kheo có 5 nghĩa: khát sĩ, phá phiền não (phá ác), ra khỏi nhà thế tục (xuất gia), trì giới thanh tịnh và làm ma quân sợ hãi (bố ma). Trong đó, phá ác, bố ma và khát sĩ được gọi là tỳ kheo tam nghĩa. Ma kheo, ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo được dịch là các bậc tỳ kheo thanh tịnh, bố ma và phá ác. Thanh tịnh tỳ kheo là tỳ kheo giữ giới thanh tịnh. Ma kheo trước là tỳ kheo bố ma. Ma kheo sau là tỳ kheo phá ác. Ác là phiền não, mà phiền não cũng thuộc ma quân, tức mọi sự ác nghiệt, trở ngại và phá hoại Phật, Phật pháp và người hành trì Phật pháp.

Ngũ bách la hán là 500 vị a la hán, tức chỉ cho 500 vị thanh văn đã chứng quả vô học. Trong bốn quả thánh: tu đà hoàn (sotapatti), tu đà hàm (sakadagami), a na hàm (anagami) và a la hán (arahanta), thì từ quả a na hàm trở xuống gọi là bậc hữu học vì chưa được giải thoát hoàn toàn, còn phải học tập, trong khi quả a la hán đã

được giải thoát hoàn toàn, không còn phải học nữa nên gọi là bậc vô học. Ngũ bách la hán được nhắc đến trong kinh Phật ngũ bách đệ tử tự thuyết bản khởi và kinh Pháp hoa: phẩm Ngũ bách đệ tử thọ ký, Sau khi đức Phật diệt độ, tôn giả Đại Ca Diếp từng cùng với 500 vị la hán kết tập pháp tạng ở thành Vương Xá. Ở Trung Hoa, việc sùng bái 500 vị la hán rất thịnh hành. Hiện nay, ở Việt Nam, chùa Bái Đính - Ninh Bình và chùa Minh Thành – Gia Lai có tôn tạo và thờ phụng 500 vị la hán.

Anh lạc (keyura) xuất từ tiếng Phạn, chỉ cho chuỗi ngọc quý mà người nam, người nữ quý tộc Ấn độ ngày xưa thường đeo mang làm trang sức. Chữ anh (纒) trong chánh văn có bộ mạch, đôi khi đồng nghĩa với chữ anh (璎) có bộ ngọc. Vì là dịch âm nên dùng chữ anh có bộ mạch hay bộ ngọc đều được cả, tuy nhiên người ta quen dùng chữ anh có bộ ngọc hơn. Trong đạo Phật, chuỗi anh lạc được ví như giới luật đề trang nghiêm pháp thân. Chữ giải ở đây có nghĩa là phân ra, cắt ra, chia lia, cởi bỏ, phân tích, hiểu biết, đưa đi. Bất tu giải là không cần phân ra, cắt ra. Sự kiện chuỗi anh lạc của bồ tát Quan Thế Âm phân ra là theo phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa: Sau khi nghe đức Phật tán thán thần lực và phương tiện lực của bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Vô Tận Ý liền “cởi chuỗi anh lạc bằng các thứ châu báu đeo nơi cổ, giá trị bằng trăm ngàn lượng vàng mà dâng cúng cho bồ tát Quan Thế Âm”. Bồ tát Quan Thế Âm nhận rồi phân ra làm hai phần, một phần hiến cúng đức Phật Thích Ca và một phần hiến cúng tháp Phật Đa Bảo. Với thần lực của bồ tát Quan Thế Âm thì sự phân chia chuỗi ngọc không có chút gì nhọc công, cầm trên tay một chuỗi, tự nhiên biến thành hai chuỗi ngắn hơn. Người trì tụng kinh Cứu Khổ hay thần chú Cứu Khổ sẽ được thoát khỏi khổ nạn một cách tự nhiên, đó không phải là nhờ thần lực gia hộ của bồ tát Quan Thế Âm hay sao?

Thần chú Cứu khổ là: “Kim bồ kim bồ đề, đà la ni đế, ni khư la đế, bồ đề tát bà ha”, được sửa lại là: “Kim bà kim bà đế (đúng phải là ly bà ly bà đế), cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế, ma ha già đế, chơn lãng càn đế, ta bà ha”. Thần chú này là thần chú Thất Phật diệt tội, trích từ kinh Đại phương quảng đà la ni, là thần

chú của bảy đức Phật (Tì Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phú Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật) trong quá khứ đã nói ra cho các tỳ kheo, tỳ kheo ni phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch có thể sám hối, dứt tội, được phước. Có lẽ vì chánh văn là “kim bồ kim bồ đề” gần giống với “ly bà ly bà đề” nên ráp nối phần sau, giữ nguyên câu trước có sửa đổi thành “kim bà kim bà đề”.

Biên dịch:

Kinh này có thể viết lại làm hai phần như sau cho dễ hiểu:

Kinh văn:

Đức Phật dạy tôn giả A Nan rằng: “Kinh này rất là cao cả, có thể cứu thoát ngục tù, có thể cứu chữa bệnh nặng, có thể cứu vớt trăm tai nạn ngàn khổ ách. Nếu có người tụng kinh này được một ngàn lần thì bản thân lìa khổ nạn, tụng được một muôn lần thì cả nhà lìa khổ nạn. Như râu chuỗi anh lạc của bồ tát Quán Thế Âm tự nhiên phân rời ra, người nào siêng năng tụng ngàn muôn lần (kinh này) thì các tai nạn tự nhiên được cởi bỏ, thoát khỏi”.

Đại chúng nghe lời Phật dạy, tin tưởng, tiếp nhận và vâng làm, bồ tát Quán Thế Âm liền nói thân chú rằng: Kim bồ kim bồ đề, đà la ni đế, ni khư la đế, bồ đề tát bà ha.

Phát nguyện:

Con xin quay về nương tựa bồ tát Quán Thế Âm, bậc đại sĩ cứu khổ.

Con xin quay về nương tựa trăm ngàn muôn ức đức Phật, hằng hà sa số đức Phật, những bậc toàn giác có vô lượng công đức.

Con xin quay về nương tựa sức oai thần của Phật, quay về nương tựa sức gia hộ của Phật, khiến cho mọi người không sinh tâm ác độc, làm cho mọi người và bản thân được Phật cứu độ.

Con xin quay về nương tựa bồ tát Hối Quang, bồ tát Hối Thiện, đại thiên vương A Nậu, bồ tát Chánh Điện, các bậc tỷ kheo thanh tịnh, bố ma và phá ác, thì việc cửa quan được cởi bỏ, việc không chánh đáng được ngưng dứt. Cúi xin chư vị đại bồ tát, năm trăm vị la hán cứu hộ bản thân đệ tử (và thân nhân/ mọi người/ chúng sinh) thấy đều là khổ nạn.

Tướng dụng:

Phật nói kinh này cũng tức là thần chú Cứu khổ, rất là cao cả, nhiệm mầu, linh ứng, người trì tụng kinh này, thần chú này thì tai qua nạn khỏi, hết bệnh, ra khỏi ngục tù thế gian và ngục tù phiền não, thoát cửa quan và phiền toái, bản thân và gia đình bình an, người không sinh ác tâm, hóa giải hận thù, như ý, như nguyện.

Biểu tượng của kinh này bồ tát Quán Thế Âm cứu khổ, xuyên qua thần lực của ngài, tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm hướng về chân tâm, tâm hướng thiện, tâm cung kính, tâm cứu độ, tâm giữ giới, tâm bỏ ác làm lành, tâm rũ bỏ phiền não, tâm tin tưởng mãnh liệt vào sự cứu độ của Phật, bồ tát, la hán. Trì chú này thì phải hành theo biểu tượng như vậy.

⁸⁰ Chân ngôn Diệt nghiệp chương của Quán Âm đại sĩ.

⁸¹ Mười hai nguyện lớn rộng sâu của bồ tát Quán Thế Âm: 1. Quảng phát hoằng thệ nguyện; 2. Thường cư Nam hải nguyện; 3. Tầm thanh cứu khổ nguyện; 4. Năng trừ nguy hiểm nguyện; 5. Cam lộ sái tâm nguyện; 6. Thường hành bình đẳng nguyện; 7. Thệ diệt tam đồ nguyện; 8. Già tảo giải thoát nguyện; 9. Độ tận chúng sinh nguyện; 10. Tiếp dẫn Tây phương nguyện; 11. Di Đà thọ ký nguyện; 12. Quả tu thập nhị nguyện.

⁸² Bài này có trong Giải Kết Khoa của Thủy Lục Chư Khoa.